TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/**2025/DS-ST
Ngày: 27-5-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trường Thống

2. Ông Đào Hoàng Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXXST-DS ngày 21/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2025/QĐST-DS ngày 08/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hộ kinh doanh T**

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Bùi Quốc H**, sinh năm 2001, trú tại: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/5/2025) (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Văn Ú**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

2.2. Bà **Cao Thị H1**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 16/3/2019 ông Nguyễn Văn Ú, bà Cao Thị H1 với Hộ kinh doanh T thống nhất thỏa thuận hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm với nhau, cụ thể Hộ kinh doanh sẽ cung ứng thức ăn tôm, thuốc và hóa chất nuôi trồng thủy sản cho ông Ú, bà H1 do tin tưởng nên hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Đến ngày 02/01/2022 thì hai bên mới ký kết hợp đồng mua bán với nhau, ngoài việc lập hợp đồng ra thì mỗi lần mua bán ông Ú, bà H1 có ký nhận vào sổ mua bán.

Hai bên thực hiện trong một thời gian dài thì đến ngày 13/8/2022 ông Ú, bà H1 còn nợ lại H2 kinh doanh Tân Quang M tổng cộng số tiền 110.744.000 đồng.

Nay đại diện cho Hộ kinh doanh T yêu cầu ông Nguyễn Văn Ú, bà Cao Thị H1 phải trả cho H2 kinh doanh Tân Quang M số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu tổng cộng là 140.157.606 đồng (Một trăm bốn mươi triệu một trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm linh sáu đồng), trong đó: gốc 110.744.000 đồng, lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 14/8/2022 đến ngày 14/4/2025 (32 tháng) số tiền 29.413.606 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 14/4/2025 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

**** Tại phiên tòa*:**

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Ú, bà Cao Thị H1 phải trả cho H2 kinh doanh Tân Quang M số tiền mua bán còn thiếu tổng cộng là 141.076.781 đồng (Một trăm bốn mươi mốt triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi mốt đồng), trong đó: gốc 110.744.000 đồng, lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 14/8/2022 đến nay là ngày 27/5/2025 (33 tháng 13 ngày), nhưng chỉ yêu cầu tính 33 tháng với số tiền 30.332.781 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Ú, bà Cao Thị H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn ông Ú, bà H1 trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn Ú, bà Cao Thị H1 trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Ú, bà Cao Thị H1 trả cho H2 kinh doanh Tân Quang M tổng cộng số tiền gốc và lãi là 141.076.781 đồng (Một trăm bốn mươi mốt triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi mốt đồng), trong đó: gốc 110.744.000 đồng, lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 14/8/2022 đến ngày 27/5/2025 (33 tháng 13 ngày), nhưng do người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính 33 tháng với số tiền 30.332.781 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Nguyễn Văn Ú, bà Cao Thị H1, nhưng bị đơn ông Ú, bà H1 vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải đối với vụ án. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: "*.....Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho các đương sự trong vụ án, nhưng bị đơn ông Ú, bà H1 vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Ú, bà H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền mua bán theo hợp đồng còn thiếu, đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản* và bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã V, huyện V nên thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Giữa nguyên đơn Hộ kinh doanh Tân Quang M với bị đơn ông Nguyễn Văn Ú, bà Cao Thị H1 có xác lập hợp đồng mua bán tài sản với nhau. Cụ thể: Hộ kinh doanh T cung cấp thức ăn và thuốc thủy sản để ông Ú, bà H1 nuôi tôm. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 13/8/2022 ông Ú, bà H1 còn nợ lại H2 kinh doanh Tân Quang M số tiền 110.744.000 đồng, từ đó đến nay ông Ú, bà H1 chưa trả thêm đồng nào cho H2 kinh doanh Tân Quang M.

Tuy bị đơn ông Ú, bà H1 không có ý kiến trình bày và Tòa án cũng không tiến hành lấy được lời khai của bị đơn ông Ú, bà H1, nhưng sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Ú, bà H1 biết và trong Thông báo cũng đã thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Ú, bà H1, nhưng bị đơn ông Ú, bà H1 không có ý kiến gì phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, có căn cứ xác định hiện bị đơn ông Ú, bà H1 còn nợ nguyên đơn Hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền mua bán thức ăn còn thiếu là 110.744.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Hộ kinh doanh T HĐXX xét thấy, theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì kể từ ngày 13/8/2022 bị đơn ông Ú, bà H1 còn nợ lại nguyên đơn số tiền mua bán gốc là 110.744.000 đồng và từ thời điểm này bị đơn ông Ú, bà H1 không trả thêm đồng nào cho phía nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất chậm trả 10%/năm kể từ ngày 14/8/2022 đến nay là ngày 27/5/2025 (33 tháng 13 ngày), nhưng chỉ tính 33 tháng với số tiền 30.332.781 đồng là phù hợp theo quy định tài Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

Do đó, nay ông Ú, bà H1 có trách nhiệm phải trả cho H2 kinh doanh Tân Quang M số tiền mua bán còn nợ và lãi do chậm trả tiền mua bán tổng cộng là 141.076.781 đồng (Một trăm bốn mươi mốt triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi mốt đồng), trong đó: gốc 110.744.000 đồng, lãi chậm trả 10%/năm tính từ ngày 14/8/2022 đến nay là ngày 27/5/2025 (33 tháng 13 ngày), nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính 33 tháng với số tiền 30.332.781 đồng, vì đây là nghĩa vụ trả nợ của bên mua tài sản theo quy định tại Điều 274, 275, 280, 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

Xét lời đề nghị của đại diện Viên kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ú, bà Cao Thị H1 phải chịu 7.053.839 đồng (141.076.781đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 241 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 274, 275, 280, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn Ú, bà Cao Thị H1 phải trả cho H2 kinh doanh Tân Quang M số tiền mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để nuôi tôm còn thiếu là 141.076.781 đồng, trong đó: gốc 110.744.000 đồng, lãi 30.332.781 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Hộ kinh doanh T, nếu ông Nguyễn Văn Ú, bà Cao Thị H1 không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho Hộ kinh doanh T thì hàng tháng ông Ú, bà H1 còn phải trả tiền lãi cho H2 kinh doanh Tân Quang M theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Ú, bà Cao Thị H1 phải chịu 7.053.839 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh T 3.323.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002503 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/5/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh